

PHẠM TẤT DŨNG - LÊ NGỌC HÙNG (đồng chủ biên)

Xã hội học

ẤN BẢN MỚI NHẤT



NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

GS. PHẠM TẤT DONG - TS. LÊ NGỌC HÙNG (Đồng chủ biên)
PHẠM VĂN QUYẾT- NGUYỄN QUÝ THANH - HOÀNG BÁ THỊNH

XÃ HỘI HỌC

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

LỜI NÓI ĐẦU

Trong vòng hai thập kỷ trở lại đây, tri thức xã hội học thâm nhập ngày càng nhiều vào các lĩnh vực hoạt động của đời sống như sản xuất-kinh doanh, quản lý-lãnh đạo, giáo dục-đào tạo, văn học-nghe thuật, thể dục-thể thao, quốc phòng-an ninh, khoa học-công nghệ, v.v.. Nhu cầu ứng dụng những hiểu biết và phương pháp của xã hội học đang tăng lên một cách rõ rệt. Việc nghiên cứu khoa học từ khoa học xã hội, khoa học nhân văn, khoa học quản lý, khoa học kỹ thuật, khoa học giáo dục đến khoa học hình sự, khoa học quân sự .. thường được tổ chức theo phương thức phối hợp liên ngành, trong đó đều có sự hiện diện của xã hội học.

Chính vì lẽ đó, cuốn **XÃ HỘI HỌC** do tập thể cán bộ giảng dạy trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn thuộc Đại học quốc gia Hà Nội bao gồm Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, Hoàng Bá Thịnh dưới sự chủ biên của giáo sư Phạm Tất Dong và tiến sĩ Lê Ngọc Hùng biên soạn đã được nhiều người hoan nghênh và nhiệt tình đón đọc. Chỉ sau khi xuất bản một thời gian ngắn, số lượng sách in ra đã được tiêu thụ hết. Nhu cầu sử dụng sách qua ý kiến bạn đọc là khá lớn.

Để phục vụ đông đảo bạn đọc từ sinh viên các trường cao đẳng và đại học đến các cán bộ giảng dạy và nghiên cứu xã hội học cũng như các khoa học có quan hệ mật thiết với xã hội học, tập thể tác giả cho xuất bản tại Nhà xuất bản Giáo dục.

Cuốn sách vẫn giữ nguyên bố cục gồm 10 chương. TS Lê Ngọc Hùng viết chương I và II. Phạm Văn Quyết viết chương III, VII và X. Nguyễn Quý Thanh viết chương IV, V và VIII. Hoàng Bá Thịnh viết chương VI và IX.

Căn cứ vào ý kiến của nhiều người đã sử dụng cuốn sách này để học tập hoặc để tham khảo, tập thể tác giả đã sửa chữa một số chỗ trong các chương, cả về nội dung lẫn hình thức diễn đạt, đồng thời bổ sung một số ý nhằm làm cho các tri thức được chính xác hơn, sâu sắc hơn. Đặc biệt là, trong lần tái bản này, tập thể tác giả đã sửa chữa, bổ

Chương I

ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA XÃ HỘI HỌC

1. Xã hội học là khoa học

Xã hội học được xây dựng trên cơ sở các tiên đề khoa học về đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu, được nghiệm chứng trong hoạt động thực tiễn nhằm phục vụ đời sống xã hội của con người.

Trước khi có khoa học, mọi hiện tượng tự nhiên và xã hội được giải thích bằng cách viện ra Chúa Trời, các đấng siêu nhân hay siêu tự nhiên. Nếu tôn giáo tin rằng có Chúa thì khoa học tin rằng giới tự nhiên vận động theo quy luật. Khoa học tìm hiểu các quy luật tự nhiên để dự báo và kiểm soát các hiện tượng tự nhiên.

Giống như các khoa học khác, xã hội học dựa trên hai tiên đề cơ bản của mọi khoa học. Tiên đề thứ nhất cho rằng giới tự nhiên có tính quy luật. Tiên đề thứ hai cho rằng mọi hiện tượng tự nhiên đều có nguyên nhân tự nhiên.

1.1. Quy luật tự nhiên trong xã hội học

Xã hội học phát hiện các quy luật tự nhiên để giải thích các hiện tượng xã hội (quy luật được hiểu là mối quan hệ cơ bản, bền vững của sự vật, hiện tượng). Bởi con người và tổ chức xã hội đều là những bộ phận của giới tự nhiên phát triển ở trình độ cao, nên xã hội học không quên, không bao giờ quên “cái xã hội” trong đối tượng nghiên cứu của

mình. Có nghĩa là, quy luật tự nhiên mà xã hội học tìm ra có những điểm khác với quy luật do khoa học tự nhiên phát hiện được.

Ví dụ quy luật rơi tự do mà nhà vật lý học Newton tìm ra có thể giải thích được mọi hiện tượng rơi ở khắp nơi trên trái đất. Hoặc chân lý như "hai năm rưỡi" ($2 \times 5 = 10$) thì đúng trong mọi thời đại, mọi nơi, mọi lúc. Điều này có thể khác với các quy luật do khoa học xã hội tìm ra.

Việc vận dụng quy luật tự nhiên do xã hội học phát hiện được phụ thuộc vào nhiều yếu tố, đặc biệt phải căn cứ vào các điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, xã hội cụ thể. Ví dụ, ở một số nước đang phát triển, thu nhập của người lao động không tỷ lệ thuận với mức "đầu tư vào nhân tố con người", tức là, nhóm xã hội có học vấn cao chưa chắc đã thu nhập nhiều hơn nhóm có trình độ học vấn thấp. Hoặc ta khó có thể sử dụng quy luật "hiệu quả" để giải thích rằng mọi hành động của cá nhân đều nhằm thu được lợi nhuận tối đa. Một ví dụ khác liên quan tới công nghiệp hoá. Thực tế cho thấy không phải ở mọi nước, ở mọi thời kỳ, công nghiệp hoá càng được đẩy mạnh thì con người càng xa rời truyền thống dân tộc và càng gần chủ nghĩa cá nhân. Dựa vào chính sách đúng đắn, các quốc gia hoàn toàn có khả năng phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá mà vẫn giữ được bản sắc văn hoá và truyền thống dân tộc.

Khác với khoa học tự nhiên, xã hội học còn phải chỉ ra các điều kiện, cơ chế hoạt động và biểu hiện của quy luật, đồng thời giải thích các trường hợp ngoại lệ. Đây là khó khăn đặc thù của xã hội học. Nhưng điều đó không làm giảm đi niềm tin và nỗ lực của các nhà xã hội học trong việc phát hiện ra quy luật tự nhiên và tìm ra nguyên nhân tự nhiên để giải thích, dự báo và kiểm soát hiện tượng người và xã hội.

1.2. Nguyên nhân tự nhiên trong xã hội học

Giống như mọi khoa học, xã hội học cho rằng giải thích một cách khoa học có nghĩa là chỉ ra được nguyên nhân tự nhiên của sự vật, hiện tượng xã hội.

Trước khi Newton phát hiện ra quy luật rơi tự do, đã có hàng triệu người nhìn thấy các vật khác nhau rơi xuống đất. Tại sao mọi vật đều rơi xuống đất? Qua thí nghiệm, Newton đã trả lời câu hỏi đó một cách hoàn toàn khoa học: do sức hút của trái đất.

Trước khi Karl Marx chỉ ra quy luật tự nhiên của lịch sử phát triển xã hội thì các hiện tượng và quá trình xã hội được xem như là sự hỗn loạn, rối loạn và không phương hướng. Bằng cách phân tích khoa học về phương thức sản xuất, hình thái kinh tế xã hội, Marx là người đầu tiên đã chỉ ra quy luật vận động và phát triển của lịch sử xã hội loài người. Đó là quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Tại sao xã hội biến đổi? Karl Marx và Friedrich Engels trả lời bằng câu khái quát bất hủ trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*: “Lịch sử của tất cả các xã hội đang tồn tại được biết tới nay là lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp” (Marx và Engels, 1848. *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*).

Có thể nêu một ví dụ rất nổi tiếng trong lịch sử xã hội học là nghiên cứu của Emile Durkheim (1897) về nguyên nhân tự tử. Durkheim đã bác bỏ quan niệm và cách giải thích của tâm lý học cho rằng tự tử là hiện tượng tâm lý cá nhân. Qua phân tích mối quan hệ giữa đoàn kết xã hội và tỷ lệ tự tử trong các cộng đồng xã hội, Durkheim đã chỉ ra được nguyên nhân xã hội của nạn tự tử. Ông kết luận rằng mức độ đoàn kết xã hội càng cao thì tỷ lệ tự tử càng thấp, xã hội càng cá nhân chủ nghĩa thì tỷ lệ tự tử càng cao. Kết quả nghiên cứu của Durkheim cho thấy tỷ lệ tự tử cao hay thấp là do nguyên nhân khách quan, ngoài ý muốn chủ quan của mỗi cá nhân, do nguyên nhân từ xã hội gồm yếu tố cơ cấu xã hội, tôn giáo... tác động tới các cá nhân và tạo nên sự đoàn kết hay hội nhập xã hội.

Xã hội học luôn nỗ lực tìm cách chỉ ra được nguyên nhân xã hội của sự vật, hiện tượng xã hội. Nhưng đó là công việc vô cùng khó khăn và phức tạp. Xã hội bị phân hoá như thế nào? Tại sao xã hội lại có kẻ giàu người nghèo? Tại sao tiền công bình quân của lao động nữ lại thấp hơn của nam giới?... Hãy thử trả lời những câu hỏi đại loại như thế, ta sẽ thấy không đơn giản chút nào.

1.3 Phương pháp nghiên cứu và bộ máy khái niệm trong xã hội học.

Để cung cấp những tri thức ngày càng đúng đắn về bản chất của con người và xã hội, xã hội học sớm vận dụng cách tiếp cận của nhiều khoa học và không ngừng phát triển, hoàn thiện hệ thống các phương pháp nghiên cứu và bộ máy khái niệm của mình. Từ cuối thế kỷ trước, Auguste Comte và sau đó là Emile Durkheim đã vạch ra những quy tắc có tính chất cương lĩnh của xã hội học. Ví dụ, theo quy tắc của Durkheim, xã hội học cần sử dụng phương pháp luận thực chứng trong nghiên cứu "các sự kiện xã hội" (*Social facts*). Đó là những sự vật, sự kiện xã hội tồn tại bên ngoài con người và có tác động quy định hành động của con người. Các phương pháp quan sát, so sánh, thực nghiệm, thống kê, phân tích lịch sử là rất quan trọng đối với xã hội học.

Trong xã hội học, vấn đề phương pháp nghiên cứu khoa học luôn là mối quan tâm hàng đầu. Xã hội học khẳng định cơ sở khoa học của mình không những trong phương pháp nghiên cứu mà còn trong việc hình thành, vận dụng và phát triển bộ máy khái niệm.

Vào nửa cuối thế kỷ XX, nhà khoa học luận Thomas Kuhn đã viết cuốn sách nổi tiếng có tính chất tổng kết sự phát triển của khoa học trên toàn thế giới. Đó là cuốn "Cấu trúc của các cuộc cách mạng khoa học" (*The structure of scientific revolutions*) xuất bản năm 1962. Trong cuốn sách đó, Thomas Kuhn đưa ra thuật ngữ "bộ máy khái niệm" (*Paradigm* - một số tác giả dịch là hệ biến vị) để nói về tầm quan trọng đặc biệt của hệ thống khái niệm và phương pháp luận khoa học. Bộ máy khái niệm được hiểu là hệ thống các lý thuyết và các